

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 27/3/2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế; Ông Lê Bá Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX- ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bến H, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1974.

HKTT: Bến H, thị trấn H, huyện T, tỉnh B.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 1, Trại giam Ngọc Lý. (Địa chỉ: huyện T, tỉnh B).

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Tòa án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Mạnh H và chị Trần Thị D kết hôn ngày 15/10/2002, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng anh H ngay.

Theo như anh H trình bày: Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Đến khoảng đầu năm 2015 do chị D vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân tỉnh B đưa ra xét xử và

hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý. Từ đó đến nay giữa anh và chị D đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa, nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị D không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị D có 02 con chung là Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Mạnh S, sinh ngày 11/4/2010. Hiện nay cả hai con đều đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Trần Thị D có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai của chị D thể hiện: Chị kết hôn với anh H ngày 22/10/2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại xóm B, thị trấn H. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh H không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên ngày 3/9/2015 chị bị bắt, đến tháng 7/2017 chị bị Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử và kết án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý. Nay anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh H có hai con chung như anh H trình bày là đúng, hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý với ý kiến của anh H, để anh H chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con.

Về tài sản chung: Chị đồng ý với ý kiến của anh H, chị xác nhận vợ chồng không có.

Về công nợ: Trong quá trình chung sống chị và anh H không thống nhất với nhau về việc vay nợ hoặc cho ai vay. Việc chị cầm tiền của mọi người và đưa cho người khác đều do chị đứng ra thống nhất với họ, chị không cho anh H biết.

Tại phiên toà hôm nay anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị D và đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh được nuôi dưỡng và chăm sóc, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Đối với việc chị D vay mượn tiền của mọi người dẫn đến vi phạm pháp luật hình sự và đã bị Tòa án xét xử, anh không biết và không liên quan gì đến việc này. Do vậy việc chị D làm thì chị D phải tự chịu trách nhiệm đối với những người này.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Xử

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn chị Trần Thị D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Mạnh S, sinh ngày 11/4/2010 cho anh Nguyễn Mạnh H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Mạnh H và chị Trần Thị D kết hôn ngày 15/10/2002, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh B, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Mạnh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D là có thật và nguyên nhân chủ yếu là từ khi chị D phải đi chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý đến nay anh H không liên lạc và quan tâm gì đến chị D nữa. Mặc dù chị D xác định trong quá trình chung sống với anh H giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên chị cũng đồng ý ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho anh H được ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H, chị D có hai con chung là Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Mạnh S, sinh ngày 11/4/2010. Hiện nay cả hai con đều đang ở với anh H. Khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung, phía chị D cũng đồng ý nên cần chấp nhận và giao cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 01/8/2003 và Nguyễn Mạnh S, sinh ngày 11/4/2010 cho anh Nguyễn Mạnh H chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Sau ly hôn các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003352 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu